

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 69/2026/DS-PT
Ngày 26-01-2026.
V/v “*Tranh chấp thừa kế*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Minh.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Cẩm Linh – Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 199/2025/TLPT-DS ngày 08/10/2025 về việc “*Tranh chấp thừa kế*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2025/DS-ST ngày 22/7/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1964/2025/QĐPT-DS ngày 16 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2026/QĐ-PT ngày 24/11/2025, Thông báo mở lại phiên tòa số 08/2026/TB-TA ngày 12/01/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Bà Phan Thị H1, sinh năm 1960; địa chỉ: D, ấp B, xã T, thành phố Cần Thơ; có mặt

+ Bà Phạm Thị T, sinh năm 1966; địa chỉ: 3, khu phố E, đường số A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị K, sinh năm 1941; địa chỉ: ấp B, xã T, thành phố Cần Thơ; vắng mặt.

Bà T và bà K ủy quyền cho bà Phan Thị H1 (theo hợp đồng ủy quyền ngày 17/11/2015).

+ Những người thừa kế của bà Phạm Thị H2: anh Nguyễn Hoàng A, chị Nguyễn Thị Hoàng N, chị Nguyễn Thị N1, chị Nguyễn Thị Hoàng Linh P, anh

Bạch Long P1 và anh Bạch Gia L). Đại diện ủy quyền: anh Nguyễn Hoàng Â (Giấy ủy quyền ngày 04/01/2016); địa chỉ: ấp P, xã M, huyện C, Kiên Giang (nay là xã T, tỉnh An Giang).

Đại diện ủy quyền lại: Chị Nguyễn Thị Hoàng Linh P, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ I, tiểu khu A, đặc khu K, tỉnh An Giang (theo Văn bản ủy quyền ngày 28/11/2025); có mặt.

Bị đơn: Bà Phan Thị X, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp B, xã T, TP Cần Thơ;

Người đại diện theo ủy quyền: anh Đinh Quốc V, sinh năm 1992; và chị Đinh Thị Mỹ H3, sinh năm 1999; địa chỉ: ấp B, xã T, thành phố Cần Thơ (theo Văn bản ủy quyền ngày 21/8/2025); có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Phan Thị T1, sinh năm 1947; đã chết năm 2022

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Phan Thị T1: Nguyễn Thị T2, sinh năm 1966; ông Bùi Quang C, sinh năm 1981; bà Bùi Thị C1, sinh năm 1983. Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, thành phố Cần Thơ; xin vắng mặt.

+ Bà Phan Thị L1, sinh năm 1954; địa chỉ: Flat B, K, W, New Zealand.

Đại diện theo ủy quyền của bà L1: Bà Phan Thị H1 (theo hợp đồng ủy quyền ngày 17/12/2018); có mặt.

+ Ông Đinh Trọng H4, sinh năm 1962; vắng mặt

+ Đinh Công H5, sinh năm 1992; vắng mặt

+ Đinh Quốc V, sinh năm 1992; có mặt

+ Đinh Thị Mỹ H6, sinh năm 1994; vắng mặt

+ Đinh Thị Mỹ H3, sinh năm 1999; có mặt

+ Bùi Thị Hồng M, sinh năm 1989; vắng mặt

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo:* Bà Phan Thị X, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị H1 và các nguyên đơn khác là bà Phạm Thị K, Phạm Thị T có cùng ý kiến trình bày như sau:

Cha mẹ các bà là cụ Phan Đình T3 (sinh năm 1920, chết năm 1993) và cụ Nguyễn Thị T4 (sinh năm 1920, chết năm 1988), có 07 người con, gồm: bà Phạm Thị K, bà Phan Thị T1, bà Phan Thị L1, bà Phan Thị H1, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị H2 (chết năm 2000, có các con là Nguyễn Hoàng Â, Nguyễn Thị Hoàng N, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị Hoàng Linh P, Bạch Long P1, Bạch Gia L) và bà Phan Thị X.

Sinh thời, cụ T3, cụ T4 có tạo lập được khối tài sản, gồm căn nhà và phần đất

có diện tích đo đạc thực tế là 15.686,8m² tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện V (nay là xã T), thành phố Cần Thơ. Cụ T3, cụ T4 chết, không để lại di chúc. Bà Phan Thị X đứng tên và quản lý theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số 0253 ngày 14/9/1994, gồm các thửa 376, 377, 378, 379, 380 và 381, tờ bản đồ số 9, tổng diện tích là 15.712m². Ngày 25/6/1996, các chị em yêu cầu chính quyền cơ sở giải quyết chia phần di sản này. Tại biên bản thỏa thuận ghi nhận 07 chị em, mỗi người sẽ nhận 1m chiều ngang, tương đương 1 công đất, còn lại giao cho bà X 10m chiều ngang, tương đương 10 công đất. Bà X có ký tên nhưng không thực hiện. Ngày 15/5/2015, tại UBND xã T, Trung tâm Trợ giúp pháp lý đưa ra hòa giải, bà X đồng ý hỗ trợ mỗi người 35 triệu (giao tiền đến năm 2017), nhưng không thực hiện được. Nay các bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia phần di sản trên làm 07 phần cho 07 chị em, mỗi người được chia trị giá 1/7 căn nhà và 2.244,5m² đất theo định giá tại biên bản định giá ở V.

Bị đơn bà Phan Thị X trình bày:

Bà thông nhất với lời trình bày nguyên đơn về mối quan hệ gia đình, nhưng cụ T3 chết năm 1994. Trước năm 1975, cụ T3, cụ T4 nhận chuyển nhượng phần đất tranh chấp từ người khác trước năm 1975, bà sống chung với cha mẹ nên được kê khai đứng tên GCNQSD đất (giấy bìa trắng) vào năm 1989, đến năm 1994 thì đổi thành giấy bìa đỏ cho đến nay. Thời điểm Bà được cấp Giấy chứng nhận thì cha mẹ còn sống nhưng không ai có ý kiến gì. Bà có ý định bán đất để chia cho mỗi người 01 công nhưng không được giá và không đủ tiền mà B đã bỏ ra để chi phí và trả nợ cho cha mẹ nên Bà không bán.

Trong quá trình giải quyết, bà X thay đổi lời trình bày, cụ thể B cho rằng, nguồn gốc đất tranh chấp là do cha mẹ B nhận chuyển nhượng, nhưng số tiền nhận chuyển nhượng 20.000.000 đồng là của Bà nên là tài sản của Bà chứ không phải của cha mẹ để lại. Do đó, Bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Hoàng Á trình bày: Ông là con ruột và là người đại diện cho các người con khác của bà Phạm Thị H2 (chết năm 2000). Ông thông nhất với lời trình bày của bà Phan Thị H1, đề nghị được chia thừa kế theo pháp luật và yêu cầu nhận giá trị đối với kỹ phần thừa kế.

Bà Phan Thị T1 trình bày: Bà thông nhất với lời trình bày của Nguyên đơn về quan hệ gia đình. Bà để lại kỹ phần thừa kế cho bà X.

Sau khi bà T1 chết, các con bà T1 thông nhất với ý kiến bà T1.

Bà Phan Thị L1 có người đại diện theo ủy quyền là bà Phan Thị H1 trình bày: Thông nhất ý kiến với bà H1 về mối quan hệ nhân thân trong gia đình. Tuy nhiên, Bà không yêu cầu chia di sản thừa kế do cha mẹ để lại.

Ông Đinh Quốc V trình bày: Năm 2012, Ông có làm bờ kè sông chống sạt lở hết đất 15m ngang tính luôn cả vật tư với tổng số tiền 45.000.000 đồng; năm 2021, Ông có làm đường ống dẫn nước dài 60m thông từ sông ra ruộng, tính cả công lắp đặt, ống nước và xây hồ bơm tổng số tiền là 50.000.000 đồng. Do đó, trường hợp yêu cầu chia thừa kế của Nguyên đơn được chấp nhận, Ông yêu cầu người được

chia phần đất có dính đến bờ kè và đường ống dẫn nước trả lại giá trị tài sản cho Ông. Trường hợp, mẹ của Ông được chia phần đất này thì Ông không yêu cầu mẹ của Ông trả lại giá trị phần công trình Ông đã đầu tư trên đất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2025/DS-ST ngày 22/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Phạm Thị K, bà Phan Thị H1, bà Phạm Thị T, những nguyên đơn là người thừa kế thế vị của bà Phạm Thị H2 gồm (Nguyễn Hoàng Á, Nguyễn Thị Hoàng N, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị Hoàng Linh P, Bạch Long P1, Bạch Gia L) về việc chia thừa kế đối với di sản của ông T3, bà T4.

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông T3, bà T4, gồm: bà Phan Thị H1, bà Phạm Thị K, bà Phan Thị L1, bà Phạm Thị T, bà Phan Thị T1 (những người thừa kế thế vị của bà T1 là Nguyễn Thị T2, Bùi Quang C, Bùi Thị C1), bà Phạm Thị H2 (những người thừa kế thế vị của bà H2 là Nguyễn Hoàng Á, Nguyễn Thị Hoàng N, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị Hoàng Linh P, Bạch Long P1, Bạch Gia L) và bà Phan Thị X.

- Xác định di sản của ông T3, bà T4 là: phần diện tích đất và tài sản trên đất các thửa 376 diện tích 1.064m², thửa 377 diện tích 1.575m², thửa 378 diện tích 4.725m², thửa 379 diện tích 5.325m², thửa 380 diện tích 2.250m² và thửa 381 diện tích 787m² (trong đó 300m² T và 487m² CLN). Tổng diện tích đất qua đo đạc thực tế là 15.686.8m² (trong đó có 300m² đất ONT, 503,2m² đất CLN, còn lại 14.883,6m² đất LUC). Đất do bà Phan Thị X quản lý sử dụng và đứng tên theo giấy CNQSDĐ số 0253 tại tờ bản đồ số 9, do UBND huyện T (cũ) cấp ngày 14/9/1994 tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện V, TP Cần Thơ.

- Xác định kỹ phần thừa kế: 07 kỹ phần, trong đó bà Phan Thị X được 03 kỹ phần, bà Phan Thị H1, bà Phạm Thị K, bà Phạm Thị T mỗi người được một kỹ phần; Những người thừa kế thế vị của bà Phạm Thị H2 (Nguyễn Hoàng Á, Nguyễn Thị Hoàng N, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị Hoàng Linh P, Bạch Long P1, Bạch Gia L) được một kỹ phần: 2.241m² (có 43m² đất ONT, 72m² đất CLN và 2.126m² đất LUC).

- Bà Phan Thị X được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ các thửa đất thửa đất 381, 380, 379, 378, 377, 376 và tài sản trên đất (nhà, công trình phụ và cây trồng). *(Đính kèm Trích đo bản đồ địa chính số 35-2025 ngày 26/6/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố C).*

- Bà X có trách nhiệm hoàn lại cho bà H1, bà K, bà T mỗi người 311.080.000 đồng, hoàn lại cho những người thừa kế thế vị của bà Phạm Thị H2 gồm (Nguyễn Hoàng Á, Nguyễn Thị Hoàng N, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị Hoàng Linh P, Bạch Long P1, Bạch Gia L) 311.080.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về việc thi hành án, về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo.

Ngày 31/7/2025, bị đơn bà Phan Thị X kháng cáo Bản án sơ thẩm, đề nghị hủy Bản án sơ thẩm, hoặc sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chia cho Bị đơn phần nhà và đất ở, chia hiện vật là đất ruộng cho các đồng thừa kế khác.

Tại phiên tòa, Bị đơn đề nghị hủy Bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Nguyễn Văn H7 tham gia tố tụng trong vụ án.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Nguyễn Văn H7, chồng bà Phạm Thị H2 vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H7 nên đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị X làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn, thấy rằng, cụ T3 (chết năm 1993) và cụ T4 (chết năm 1988) có 07 người con, gồm: bà Phạm Thị K, bà Phan Thị T1 (chết năm 2022, có chồng là ông B1 – đã chết trước bà T1, và các con là chị Nguyễn Thị T2, anh Bùi Quang C và chị Bùi Thị C1), bà Phạm Thị L2, bà Phan Thị H1, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị H2 (chết năm 2000, có chồng là ông Nguyễn Văn H7, và các con là anh Nguyễn Hoàng A, chị Nguyễn Thị Hoàng N, chị Nguyễn Thị N1, chị Nguyễn Thị Hoàng Long P2, anh Bạch Long P3 và anh Bạch Gia L) và bà Phan Thị X.

[3] Xét thấy, Bà Phan Thị T1 đã chết năm 2022, trước thời điểm Tòa án thụ lý vụ án (ngày 05/3/2024), nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà T1 là đương sự trong vụ án, với tư cách tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Phạm Thị H2 đều chết sau cha mẹ (cụ T3 và cụ T4) nên là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ T3, cụ T4. Tranh chấp thừa kế (di sản do cụ T3 và cụ T4 để lại) xảy ra sau khi bà H2 chết nên chồng và các con của bà H2 được thừa kế chuyển tiếp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là trường hợp thừa kế thế vị nên không đưa chồng của bà H2 (là ông Nguyễn Văn H7) vào tham gia tố tụng trong vụ án và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H7.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị T1 (là người kháng cáo) đề nghị hủy Bản án sơ thẩm do bỏ sót người tham gia tố tụng là ông Nguyễn Văn H7.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung được nên theo quy định tại khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cần phải hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản và án phí dân sự sơ thẩm sẽ được tính khi giải quyết lại vụ án.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị hủy Bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2025/DS-ST ngày 22/7/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H8 lại cho bà X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0001733 ngày 05/8/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCT&KSXXPT tại Tp. HCM;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND Tp. Cần Thơ;
- Cục THADS Tp. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA, TTCL.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Tuấn

